

Bản án số: 51/2020/HSPT
Ngày: 27- 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bình.

Các Thẩm phán: Ông Tôn Anh Dũng và bà Nguyễn Thị Kim Trọng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu T (Tên gọi khác: L); Sinh ngày 14/6/1984 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: 30 T, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu H (đã chết); Con bà: Mai Thị Kim C; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không có;

Tiền án: 05 (Ngày 29/06/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Trị xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 50/2009/HSST; Ngày 06/4/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 59/2012/HSST; Ngày 03/09/2013, bị Tòa án nhân dân Thành phố Huế xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo Bản án số 214/2013/HSST; Ngày 19/09/2016, bị Tòa án nhân dân Thành phố Huế xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” tại Bản án số 214/2016/HSST; Ngày 24/01/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo Bản án số 09/2018/HSPT);

Nhân thân: Ngày 23/12/2000 bị Công an thành phố Huế xử phạt cảnh cáo về hành vi "Gây rối trật tự công cộng"; Ngày 28/6/2001 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 18 tháng do có nhiều lần vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/9/2019; chuyển tạm giam ngày 20/9/2019; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 16/9/2019, Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 75F1-580.47 từ nhà mình đến Cầu Lim gặp một người bạn gái tên P và chở P đi chơi. Sau đó, P nhờ T chở P về nhà mình ở xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì T đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 17/9/2019, T chở P về đến nhà và đi lên lại thành phố Huế nhưng do không biết đường nên đã đi lạc và đi ngang qua trang trại nuôi tôm của ông Võ Văn P ở thôn H, xã S, huyện V. T thấy lán trại của công nhân lúc này không đóng cửa nên đã nảy sinh ý định đột nhập để trộm cắp tài sản. T dựng xe mô tô ngoài đường và đi bộ vào trong lán trại thì thấy có nhiều công nhân đang nằm ngủ ở nền nhà. T phát hiện 01 điện thoại di động của anh Blúp T và 01 điện thoại di động, trên máy có cắm tai nghe của anh A Viết N nên đã lén lút lấy trộm. Sau khi lấy được tài sản, T điều khiển xe mô tô đi về hướng xã Vinh Hưng, huyện Phú Lộc thì bị Công an xã Vinh Hưng phát hiện kiểm tra và tạm giữ tang vật T vừa trộm cắp. Công an xã Vinh Hưng đã chuyển sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang để giải quyết theo quy định. Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận số 110/KL-HĐĐG ngày 18/09/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Vang, kết luận: Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Hữu T đã trộm cắp là 4.040.000 đồng. Trong đó: Điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 5 plus, màu vàng đồng (đã qua sử dụng) có giá trị 2.500.000 đồng. Điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 5 plus, màu đen (đã qua sử dụng) có giá trị 1.500.000 đồng. Tai nghe điện thoại có dây màu trắng có giá trị là 40.000 đồng.

Về tạm giữ và xử lý vật chứng của vụ án:

- Một điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 5 plus, màu vàng đồng, số Imeil 1: 865060038976708 và số Imeil 2: 865060038976716 hiện đã được trả lại cho chủ sở hữu là anh Blúp T.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 5 plus, màu đen, số Imeil 1: 865060037085501 và số Imeil 2: 865060037085519 và 01 tai nghe điện thoại có dây màu trắng hiện đã được trả lại cho chủ sở hữu là anh A Viết N.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát: 75F1-580.47, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của bà Mai Thị Kim C

(mẹ Nguyễn Hữu T). Việc T sử dụng xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội bà C không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho bà Mai Thị Kim C.

- Số tiền 725.000 đồng trên người Nguyễn Hữu T. Qua điều tra xác định không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang đã xử lý vật chứng trả lại số tiền này cho Nguyễn Hữu T.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là Blúp T và A Viết N đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang đã quyết định: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (Hai) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt tạm giữ 17/9/2019. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/12/2019, bị cáo Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu T giữ nguyên đơn kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định và hợp pháp; Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ hình phạt mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Hữu T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 01 giờ ngày 17/9/2019, tại trang trại nuôi tôm của ông Võ Văn P ở thôn H, xã S, huyện V, Nguyễn Hữu T đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của anh Blúp T và A Viết N 02 chiếc điện thoại di động và 01 dây đeo tai nghe điện thoại. Sau khi định giá, tổng tài sản mà Bị cáo T chiếm đoạt được có giá trị là 4.040.000 đồng.

Bị cáo T đã có 05 tiền án, ở lần phạm tội gần nhất bị cáo đã bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục có hành vi phạm tội do cố ý nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án về các tội khác nhau nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục tái phạm nhiều lần. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật nên cần xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 02 năm tù là đúng mức. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không bổ sung thêm tình tiết mới làm căn cứ cho việc bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 17/9/2019.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng.
- VKSNDCC tại Đà Nẵng.
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- Phòng PV27-CA tỉnh TT- Huế;
- TAND huyện Phú Vang;
- VKSND huyện Phú Vang;
- Công an huyện Phú Vang;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- Các Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; HCTP; Lưu Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hưng Bính